

HÀ NỘI

niên giám thống kê

1998

1998 Statistical YearBook

KTV 236

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

V-T0 / 1797

CỤC THỐNG KÊ HÀ NỘI
HANOI STATISTICAL OFFICE

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Trang

3

I- Điều kiện tự nhiên

1- Diện tích - dân số - Đơn vị hành chính (Đến 31-12-1997)	9
2- Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm (Trạm Láng)	10
3- Lượng mưa các tháng trong năm (Trạm Láng)	11
4- Độ ẩm trung bình các tháng trong năm (Trạm Láng)	12
5- Mức nước trung bình sông Hồng hàng tháng trong năm	13
6- Mức nước trung bình sông Đuống hàng tháng trong năm	14

II- Dân số- Lao động

1- Dân số trung bình	17
2- Số trẻ em sinh ra	18
3- Tỷ lệ sinh	19
4- Số người chết	20
5- Tỷ lệ chết	21
6- Tỷ lệ tăng tự nhiên	22
7- Tỷ lệ sinh con lần thứ 3 trở lên của người mẹ chia theo quận, huyện	23
8- Lao động đang làm việc trong khu vực nhà nước trên lãnh thổ (Chia theo ngành kinh tế)	24
9- Lao động chưa có việc làm và đã được giải quyết việc làm (Khu vực thành thị)	26

III- Các chỉ tiêu tổng hợp

1- Một số chỉ tiêu chủ yếu tính bình quân đầu người	29
2- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) (Giá thực tế)	31
3- Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) (Giá thực tế)	33

4- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) (Giá 1994)	35
5- Tổng tích lũy tài sản (Giá thực tế)	37
6- Tiêu dùng cuối cùng (Theo khu vực thể chế- Giá thực tế)	38
7- Thu chi ngân sách trên lãnh thổ	39
8- Cơ cấu thu chi ngân sách Trên lãnh thổ	41
9- Thu ngân sách của các sở, quận, huyện trên lãnh thổ	43
10- Thu chi ngân sách chia theo quận huyện	45
11- Thu chi tiền mặt qua quỹ ngân hàng và kho bạc	47

IV- Công nghiệp

1- Giá trị sản xuất công nghiệp trên lãnh thổ (Giá 1994)	51
2- Giá trị SX công nghiệp trung ương (Giá 1994)	53
3- Giá trị SX công nghiệp nhà nước địa phương (Giá 1994)	55
4- Giá trị SX công nghiệp ngoài nhà nước (giá 1994)	57
5- Giá trị SX công nghiệp ngoài nhà nước chia theo QH	59
6- GTSX công nghiệp của các đơn vị có VDT nước ngoài (Giá 1994)	60
7- Cơ sở SX công nghiệp nhà nước trên lãnh thổ	62
8- Cơ sở SX công nghiệp trung ương	64
9- Cơ sở SX công nghiệp Nhà nước địa phương	66
10- Cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước	68
11- Cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước chia theo quận, huyện	70
12- Lao động công nghiệp nhà nước trên lãnh thổ	71
13- Lao động công nghiệp trung ương	73
14- Lao động công nghiệp nhà nước địa phương	75
15- Lao động công nghiệp ngoài nhà nước	77
16- Lao động công nghiệp ngoài nhà nước chia theo QH	79
17- Doanh thu sản xuất công nghiệp trên lãnh thổ	80
18- Sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên lãnh thổ	82